

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/2016/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 18 tháng 7 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Về số lượng, chức danh và mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, tổ dân phố; chế độ đối với lực lượng công an, dân quân trong thời gian thực hiện nhiệm vụ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHOÁ XV - KỲ HỌP THỨ HAI**

SỞ TƯ PHÁP TỈNH LÀO CAI

ĐẾN Số: 2835
Ngày: 27/7/2016

Chuyển:

Lưu hồ sơ số:

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLDTB&XH ngày 27/5/2010 của Liên bộ: Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Xét tờ trình số 142 /TTr-UBND ngày 04/7/2016 của UBND tỉnh về số lượng, chức danh và mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, tổ dân phố; Tờ trình số 111/TTr-UBND ngày 04/7/2016 về chế độ chính sách đối với lực lượng dân quân; Báo cáo thẩm tra số 10/BC-BPC ngày 11/7/2016 và Báo cáo thẩm tra số 14/BC-BPC ngày 11/7/2016 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn về số lượng, chức danh và mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, tổ dân phố; chế độ đối với lực lượng công an, dân quân trong thời gian thực hiện nhiệm vụ; cụ thể như sau:

1. Về số lượng, chức danh:

1.1. Ở cấp xã gồm các chức danh: Phó Chỉ huy trưởng Quân sự; Phó Trưởng Công an xã (*nơi không có lực lượng công an chính quy*); Chủ tịch Hội người cao tuổi; Chủ tịch Hội chữ thập đỏ; Phó chủ tịch Ủy ban MTTQ; Phó chủ tịch Hội Phụ nữ; Phó chủ tịch Hội Cựu Chiến binh; Phó chủ tịch Hội Nông dân; Phó bí thư Đoàn thanh niên CSHCM; Cán bộ Đài truyền thanh-Quản lý nhà văn hóa; Cán bộ Văn phòng Đảng ủy; Trưởng ban Tổ chức Đảng; Trưởng ban Tuyên vận Đảng; Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng; Trưởng ban Thanh tra nhân dân.

Đối với phường và thị trấn có lực lượng Công an chính quy được bố trí thêm các chức danh: Trưởng ban Bảo vệ dân phố, Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố.

Đối với các xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, xã loại 1 và xã loại 2 được bố trí thêm 01 Phó Trưởng Công an xã.

Đối với các xã trọng điểm về Quốc phòng, an ninh, xã loại 1 và xã loại 2 được bố trí thêm 01 Phó Chỉ huy Quân sự xã (*sau khi có sự đồng ý của Bộ Quốc phòng*).

1.2. Ở thôn, tổ dân phố gồm các chức danh: Bí thư Chi bộ (thuộc Đảng bộ xã, phường, thị trấn); Trưởng thôn, Tổ trưởng dân phố; Công an viên, Tổ trưởng, Tổ phó và Tổ viên tổ bảo vệ dân phố; Thôn đội trưởng; Trưởng Ban công tác mặt trận; Nhân viên y tế thôn bản; Bí thư Chi đoàn thanh niên; Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ; Chi hội trưởng Chi hội Nông dân; Chi hội trưởng Chi hội Cựu Chiến binh.

Đối với những thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, xã loại 1 và xã loại 2 được bố trí thêm 01 Công an viên.

Đối với những thôn, bản còn khó khăn về công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em được bố trí không quá 02 nhân viên y tế thôn, bản (*sau khi có quyết định công nhận của UBND tỉnh*).

2. Về việc bố trí bắt buộc kiêm nhiệm, có thể kiêm nhiệm và không kiêm nhiệm:

2.1. Các chức danh không bố trí kiêm nhiệm:

a) Ở cấp xã: Gồm Phó Chỉ huy trưởng Quân sự, Phó Trưởng Công an xã, Cán bộ Văn phòng Đảng ủy;

b) Ở thôn, tổ dân phố: Gồm Công an viên, thôn đội trưởng, nhân viên y tế thôn bản.

2.2. Các chức danh bắt buộc bố trí kiêm nhiệm:

a) Ở cấp xã: Gồm Trưởng ban Tổ chức, Trưởng ban Tuyên vận, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra (do Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy cấp xã kiêm nhiệm) và được hưởng 50% phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm đó;

b) Ở thôn, tổ dân phố: Gồm Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn, Tổ trưởng dân phố, Tổ trưởng, Tổ phó và Tổ viên tổ bảo vệ dân phố, Trưởng Ban công tác mặt trận, Bí thư Chi đoàn thanh niên, Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ, Chi hội trưởng Chi hội Nông dân, Chi

hội trưởng Chi hội Cựu Chiến binh. Các chức danh này bố trí không quá 03 người đảm nhiệm và được hưởng 100% phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm đó.

2.3. Các chức danh có thể bố trí kiêm nhiệm:

Gồm các chức danh không chuyên trách ở cấp xã: Chủ tịch Hội người cao tuổi, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ, Phó Chủ tịch Hội Nông dân, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Phó Bí thư Đoàn thanh niên CSHCM, Trưởng Ban thanh tra nhân dân, Cán bộ đài truyền thanh - Quản lý nhà văn hóa, Trưởng ban Bảo vệ dân phố, Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố.

UBND cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo cấp uỷ, chính quyền cơ sở sắp xếp bố trí các chức danh kiêm nhiệm phù hợp, đảm bảo thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ theo quy định của mỗi chức danh.

3. Mức phụ cấp của từng chức danh (theo hệ số):

3.1. Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

a) Phó chỉ huy trưởng Quân sự; Phó trưởng Công an (*nơi không có lực lượng công an chính quy*): Hệ số 1,0/mức lương cơ sở/người/tháng;

b) Trưởng ban Bảo vệ dân phố: Hệ số 0,80/mức lương cơ sở/người/tháng;

c) Chủ tịch Hội người cao tuổi; Chủ tịch Hội chữ thập đỏ; Phó chủ tịch Ủy ban MTTQ; Phó chủ tịch Hội Phụ nữ; Phó chủ tịch Hội Cựu Chiến binh; Phó chủ tịch Hội Nông dân; Phó bí thư Đoàn thanh niên; Cán bộ Đài truyền thanh - Quản lý nhà văn hóa; Cán bộ Văn phòng Đảng uỷ; Phó trưởng ban Bảo vệ dân phố: Hệ số 0,60/mức lương cơ sở/người/tháng;

d) Trưởng ban Tổ chức Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra, Trưởng ban Tuyên vận, Trưởng ban Thanh tra nhân dân: Hệ số 0,50/mức lương cơ sở/người/tháng.

3.2. Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố:

a) Ở thôn: Thôn đội Trưởng, Công an viên, Nhân viên y tế thôn bản: Hệ số 0,50/mức lương cơ sở/người/tháng. Các chức danh khác ở thôn, mức phụ cấp như sau:

ĐVT: Hệ số/mức lương cơ sở/người/tháng

TT	Chức danh	Thôn dưới 30 hộ	Thôn từ 30 đến dưới 100 hộ	Thôn từ 100 hộ trở lên
1	Bí thư chi bộ	0,60	0,80	1,0
2	Trưởng thôn	0,60	0,80	1,0
3	Trưởng ban công tác mặt trận	0,30	0,40	0,50
4	Bí thư Chi đoàn Thanh niên	0,20	0,25	0,30
5	Chi hội trưởng Phụ nữ	0,20	0,25	0,30
6	Chi hội trưởng Cựu Chiến binh	0,20	0,25	0,30
7	Chi hội trưởng Nông dân	0,20	0,25	0,30

b) Ở tổ dân phố: Các mức phụ cấp như sau:

DVT: Hệ số/mức lương cơ sở/người/tháng

TT	Chức danh	Tổ dưới 50 hộ	Tổ từ 50 đến dưới 150 hộ	Tổ từ 150 trở lên
1	Bí thư chi bộ	0,60	0,80	1,0
2	Tổ trưởng tổ dân phố	0,60	0,80	1,0
3	Trưởng ban công tác mặt trận	0,30	0,40	0,50
4	Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố	0,30	0,40	0,50
5	Tổ phó, tổ viên bảo vệ dân phố	0,30	0,40	0,50
6	Bí thư Chi đoàn Thanh niên	0,20	0,25	0,30
7	Chi hội trưởng Phụ nữ	0,20	0,25	0,30
8	Chi hội trưởng Cựu Chiến binh	0,20	0,25	0,30
9	Chi hội trưởng Nông dân	0,20	0,25	0,30

4. Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các thôn, tổ dân phố; tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố (gồm: Mặt trận tổ quốc, Chi hội Phụ nữ, Chi hội Nông dân, Chi hội Cựu chiến binh và Đoàn thanh niên):

a) Các thôn thuộc xã; các thôn, tổ dân phố thuộc thị trấn Tăng Loỏng, Phong Hải (huyện Bảo Thắng): Mức hỗ trợ là 3.000.000 đ/thôn (tổ)/năm. Các thôn, tổ dân phố thuộc 12 phường, 07 thị trấn huyện lỵ còn lại: Mức hỗ trợ là 2.000.000 đ/thôn (tổ)/năm;

b) Mặt trận Tổ quốc và các Chi hội Phụ nữ, Chi hội Nông dân, Chi hội Cựu chiến binh và Đoàn thanh niên ở các thôn, tổ dân phố thuộc các xã, thị trấn: Mức hỗ trợ là 500.000 đ/tổ chức/năm.

Điều 2. Một số chế độ, chính sách khác

1. Đối với lực lượng Công an: Các xã, thị trấn (nơi không có lực lượng công an chính quy) được bố trí không quá 03 người (thuộc lực lượng công an xã và công an viên thôn) thay nhau làm nhiệm vụ thường trực tại trụ sở UBND xã (kể cả ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, ngày tết) được hưởng trợ cấp mỗi ngày bằng 0,05/mức lương cơ sở.

2. Đối với lực lượng dân quân:

a) Dân quân khi được huy động làm nhiệm vụ quy định tại Điều 8 của Luật Dân quân tự vệ theo quyết định của cấp có thẩm quyền; dân quân thường trực sẵn sàng chiến đấu tại các địa bàn trọng điểm về quốc phòng - an ninh được trợ cấp ngày công lao động bằng hệ số 0,08/mức lương cơ sở;

b) Dân quân nông cốt đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ nếu tiếp tục được kéo dài thời hạn tham gia nghĩa vụ thì ngoài chế độ theo quy định chung, khi được huy động làm nhiệm vụ được trợ cấp ngày công lao động tăng thêm bằng hệ số 0,04/mức lương cơ sở;

c) Dân quân khi làm nhiệm vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền cách xa nơi cư trú thì được hỗ trợ tiền ăn bằng mức tiền ăn cơ bản của chiến sỹ bộ binh phục vụ có thời hạn trong Quân đội nhân dân tại cùng thời điểm.

3. Chỉ huy phó Quân sự cấp xã, Phó trưởng Công an xã được ngân sách nhà nước hỗ trợ toàn bộ kinh phí đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian giữ chức vụ.

Điều 3. Nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước thực hiện.

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. UBND tỉnh có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND và các đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 15/7/2016 và có hiệu lực từ ngày 01/8/2016.

Bãi bỏ các Nghị quyết số 11/2010/NQ-HĐND ngày 15/7/2010 của HĐND tỉnh về chức danh và mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; Nghị quyết số 19/2011/NQ-HĐND ngày 12/8/2011 của HĐND tỉnh về chế độ, chính sách với lực lượng dân quân; Nghị quyết số 30/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 của HĐND tỉnh về việc kiện toàn tổ chức bộ máy và bổ sung chế độ, chính sách đối với Công an xã và Bảo vệ dân phố; Nghị quyết số 15/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh mức phụ cấp chức danh Bí thư Chi bộ thôn (thuộc Đảng bộ xã), phê chuẩn mức hỗ trợ cho một số chức danh và kinh phí hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lào Cai./. *tu*

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Quốc phòng, Công an, Nội vụ;
- Ban chỉ đạo Tây Bắc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TP;
- Văn phòng TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Báo Lào Cai; Đài PT-TH tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo Lào Cai;
- Lưu: VT, TH. *4*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vịnh